BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Giáo dục chính trị**
Tên tiếng Anh:	**Political Education**
Tên các chuyên ngành:	
Mã ngành:	**7140205**
Hình thức đào tạo:	**Chính quy**

Gia Lai, 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2094 /QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục chính trị Mã ngành: 7140205

Tên tiếng Anh: Political Education

Tên các chuyên ngành:

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị được kế thừa từ chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị năm 2022 và được bổ sung, phát triển theo hướng phát huy tối đa năng lực của người học cùng với nội dung đào tạo toàn diện để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị có mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị có phẩm chất chính trị vững vàng, sức khỏe tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Người học được trang bị nền tảng kiến thức toàn diện về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, đồng thời phát triển năng lực giảng dạy một cách hiệu quả môn Lý luận chính trị ở các trường trung cấp, cao đẳng, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông, môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở. Chương trình chú trọng rèn luyện khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, tư duy nghiên cứu suốt đời, năng lực số, nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng. Tất cả nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đồng thời phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới. Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị có thể trực tiếp giảng dạy tại các trường trung cấp, cao

đẳng, trung học phổ thông, trung học cơ sở; sau khi học lên trình độ cao hơn, có thể giảng dạy tại các trường đại học; tham gia nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu về kinh tế, chính trị, xã hội; làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và xuất bản; có khả năng tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ…

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp người học có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Tham gia giảng dạy chương trình cử nhân ngành Giáo dục chính trị là đội ngũ giảng viên trình độ cao, có uy tín và giàu nhiệt huyết.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Giáo dục chính trị
2. Mã ngành đào tạo	7140205
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Bằng cử nhân ngành Giáo dục chính trị
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (chưa bao gồm các học phần GDTC và GDQP-AN)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn
11. Thang điểm đánh giá	Thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng học tập theo chương trình đào tạo; có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4) và đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. - Hoàn thành đầy đủ các học phần Giáo dục thể chất và

	có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh theo quy định. - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn. - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn. - Tại thời điểm xét tốt nghiệp, người học không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
13. Vị trí việc làm	Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị có thể đảm nhận các vị trí công việc sau: - Trực tiếp giảng dạy môn Lý luận chính trị ở các trường trung cấp, cao đẳng, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông, môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở; sau khi học lên trình độ cao hơn, có thể giảng dạy tại các trường đại học. - Tham gia nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu về kinh tế, chính trị, xã hội. - Làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và xuất bản…
14. Học tập nâng cao trình độ	Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị có thể tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ các ngành: Chính trị học, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị…
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị các trường: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2025

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị			**Triết lý giáo dục của DQN**		
			Toàn diện	**Khai phóng**	**Thực nghiệp**
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	x
		Các học phần thí nghiệm, thực hành		x	x
		Các học phần thực tập, thực tế	x		x
	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp				x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi nghiệp vụ sư phạm, nhà giáo thông thái, hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ...			x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh, chủ nhật xanh…)		x	x	
	Hiến máu nhân đạo		x		
	Hoạt động vì người nghèo		x		

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn	x	x	x
	PLO2	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy chuyên môn trong nhà trường	x	x	x
	PLO3	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học chuyên môn trong nhà trường	x	x	x
	PLO4	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học	x		x
	PLO5	Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp		x	x
	PLO6	Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện	x	x	x
	PLO7	Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp	x		x
	PLO8	Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc		x	x

	PLO9	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị có phẩm chất chính trị vững vàng, sức khỏe tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Người học được trang bị nền tảng kiến thức toàn diện về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, đồng thời phát triển năng lực giảng dạy một cách hiệu quả môn Lý luận chính trị ở các trường trung cấp, cao đẳng, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông, môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở. Chương trình chú trọng rèn luyện khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, tư duy nghiên cứu suốt đời, năng lực số, nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng. Tất cả nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đồng thời phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân ngành GDCT:

- PO1: Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp của giáo viên các môn Lý luận chính trị ở các trường trung cấp, cao đẳng; môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông; môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở.

- PO2: Có tư duy phản biện, chủ động hợp tác giải quyết các vấn đề về giáo dục của nhà trường, địa phương, quốc gia và toàn cầu.

- PO3: Có năng lực giảng dạy, năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực số và năng lực tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

- PO4: Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.	**PI 1.1**: Xác định kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.
	PI 1.2: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.
PLO2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy chuyên môn trong nhà trường.	**PI 2.1:** Xác định những kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy chuyên môn.
	PI 2.2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy chuyên môn.
PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học chuyên môn trong nhà trường.	**PI 3.1:** Tổng hợp kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học chuyên môn.
	PI 3.2: Điều khiển quá trình tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học chuyên môn.
PLO4: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học.	**PI 4.1:** Xác định các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
	PI 4.2: Sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
PLO5: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp.	**PI 5.1:** Xác định kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp, giao tiếp sư phạm của người giáo viên trong nhà trường.
	PI 5.2: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

PLO6: Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện.	**PI 6.1:** Thực hiện nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học tập và thực hành nghề nghiệp.
	PI 6.2: Thực hiện tư duy phản biện nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học.
PLO7: Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.	**PI 7.1**: Xác định các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.
	PI 7.2: Sử dụng các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đổi mới giáo dục và tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả, sáng tạo.
PLO8: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.	**PI 8.1:** Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân để chủ động tiếp cận kiến thức, phát triển tư duy độc lập và xây dựng phương pháp học tập hiệu quả.
	PI 8.2: Thực hiện khả năng hợp tác nhằm nâng cao chất lượng học tập, phát triển toàn diện cho người học và xây dựng môi trường giáo dục phản ánh văn hóa đặc trưng của nhà trường.
PLO9: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện.	**PI 9.1**: Xác định những vấn đề đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và ý thức phục vụ cộng đồng.
	PI 9.2: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện.

1.5.1. Về kiến thức

** Kiến thức chung*

- PLO1: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối

ngành để thực hiện công việc chuyên môn.

** Kiến thức chuyên môn*

- PLO2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy chuyên môn trong nhà trường.

- PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học chuyên môn trong nhà trường.

- PLO4: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học.

1.5.2. Về kỹ năng

** Kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn*

- PLO5: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp.

- PLO6: Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện.

- PLO7: Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO8: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.

- PLO9: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	**Chuẩn đầu ra (PLOs)**								
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
PO1	x	x	x	x	x	x			
PO2						x		x	
PO3			x				x	x	
PO4									x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, chuẩn đầu ra, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong một học phần.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

+ Dạy học trực tiếp: Dạy học trực tiếp là quá trình giáo viên trực tiếp truyền đạt kiến thức và thông tin cơ bản cho người học, trong đó giáo viên đóng vai trò chủ động kiểm soát, hướng dẫn và triển khai các hoạt động giảng dạy. Qua việc trình bày, giải thích và hướng dẫn chi tiết, giáo viên giúp người học tiếp cận và hiểu rõ nội dung bài học. Chiến lược này hiệu quả trong việc cung cấp kiến thức hệ thống, hướng dẫn các kỹ năng mới và tạo nền tảng vững chắc cho người học để áp dụng vào công tác chuyên môn, từ đó phát triển các kỹ năng thực tiễn. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Thuyết giảng/ Diễn giảng/ Thuyết trình; Giải thích, minh họa; Đàm thoại (Hỏi đáp); Nêu vấn đề; Phương pháp mô phỏng; Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu).

+ Dạy học gián tiếp: Dạy học gián tiếp là chiến lược giảng dạy, trong đó giảng viên tạo ra môi trường học tập để người học chủ động tiếp cận kiến thức mà không cần sự can

thiệp trực tiếp. Chiến lược này khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề một cách độc lập. Thay vì giảng viên truyền đạt trực tiếp kiến thức, người học tự mình khám phá, nghiên cứu và áp dụng những kiến thức đã học. Chiến lược này không chỉ giúp phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu, mà còn nâng cao ý thức và trách nhiệm cá nhân của người học trong việc học tập và phát triển nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập dựa trên tình huống; Học tập dựa trên vấn đề; Câu hỏi gợi mở; Dạy học trực tuyến; Bài tập; Thảo luận; Tranh luận; Dự án.

+ Học tập trải nghiệm: Học tập trải nghiệm gồm bốn chu trình: Trải nghiệm cụ thể, trong đó người học tham gia vào các hoạt động thực tiễn như thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm hay đi thực tế; Chiêm nghiệm, khi người học suy ngẫm và phân tích các kết quả, hành vi, cảm xúc từ trải nghiệm; Hình thành khái niệm, khi người học rút ra bài học, lý thuyết từ quá trình chiêm nghiệm; Thử nghiệm tích cực, khi người học áp dụng kiến thức vào tình huống mới để kiểm nghiệm và điều chỉnh. Chiến lược này không chỉ giúp phát triển kiến thức và kỹ năng mà còn nâng cao thái độ của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập trải nghiệm; Thực tập; Thực tế; Mô phỏng; Thực hành; Thảo luận; Dự án.

+ Dạy học tương tác: Dạy học tương tác là chiến lược giảng dạy trong đó người học không chỉ tiếp nhận kiến thức từ giảng viên mà còn tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận, đối thoại và hợp tác với bạn bè và giảng viên. Giảng viên tổ chức và điều phối quá trình học, tạo cơ hội cho người học tương tác và phản hồi liên tục. Chiến lược này này giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, và giải quyết vấn đề, đồng thời nâng cao sự tự tin và chủ động của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Bài giảng tương tác; Bài tập nhóm; Thảo luận; Tranh luận/ Tranh biện; Thực hành; Thực tập; Thực tế; Dự án.

+ Tự học: Tự học là một chiến lược học tập trong đó người học tự chủ trong việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch và kiểm soát quá trình học tập của mình, với sự hỗ trợ tối thiểu từ giảng viên. Người học chủ động tìm kiếm nguồn tài liệu, thực hiện các nhiệm vụ học tập thông qua bài tập, dự án hoặc vấn đề mà giảng viên đề xuất. Chiến lược này không chỉ giúp phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu mà còn thúc

đẩy khả năng tự chủ, trách nhiệm cá nhân và khả năng giải quyết vấn đề độc lập của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập trực tuyến; Bài tập ở nhà; Học tập tự định hướng; Thực hành; Thực tập; Thực tế; Dự án.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	**Chuẩn đầu ra (PLOs)**								
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
I. Dạy trực tiếp									
1. Thuyết giảng/Diễn giảng/ Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Giải thích, minh họa	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đàm thoại (Hỏi đáp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Nêu vấn đề	x	x	x	x	x			x	x
5. Phương pháp mô phỏng		x	x	x	x				
6. Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Dạy gián tiếp									
7. Học tập dựa trên tình huống	x	x	x		x			x	x
8. Học tập dựa trên vấn đề	x	x	x		x			x	x
9. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x		x	x
10. Dạy học trực tuyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11. Bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12. Thảo luận	x	x	x	x	x			x	x
13. Tranh luận	x	x	x		x	x		x	x
14. Dự án		x	x	x	x	x	x	x	x
III. Học trải nghiệm						x			
15. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x
16. Mô phỏng		x	x	x	x			x	x
17. Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18. Thảo luận	x	x	x	x	x			x	x

19. Dự án		x	x	x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác									
20. Bài giảng tương tác	x	x	x	x	x			x	x
21. Bài tập nhóm		x	x	x	x	x	x	x	x
22. Thảo luận	x	x	x	x				x	x
23. Tranh luận/ Tranh biện	x	x	x		x	x		x	x
24. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x
25. Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
26. Dự án		x	x		x	x	x	x	x
V. Tự học									
27. Bài tập ở nhà		x	x	x	x	x	x	x	
28. Học tập trực tuyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x
29. Học tập tự định hướng						x	x	x	x
30. Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
31. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x
32. Dự án		x	x	x	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo thường xuyên được rà soát, đánh giá và cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, đạo đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

**** Thang điểm đánh giá:***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

**** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

a. Học phần lý thuyết

STT	Thành phần đánh	Tiêu chí đánh giá	Trọng số

	giá		
1	Đánh giá quá trình	- Chuyên cần: Thời gian tham dự buổi học bắt buộc; tuỳ số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng. - Bài tập (kỹ năng, nhóm): bài làm đúng và đầy đủ, thể hiện được quan điểm cá nhân. - Thuyết trình (cá nhân, nhóm): mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng thuyết trình. - Thảo luận (cá nhân, nhóm): mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân. - Tự luận: bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. - Vấn đáp: trả lời đúng nội dung kiến thức, có kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân. - Trắc nghiệm: Trả lời đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. - Thực hành: Thực hiện tốt bài thực hành theo yêu cầu của giảng viên.	30%, 40% hoặc 50% điểm học phần
2	Đánh giá tổng kết	- Tự luận: bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. - Thuyết trình: mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt. - Vấn đáp: trả lời đúng nội dung kiến thức, có kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân. - Trắc nghiệm: Trả lời đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá.	70%, 60% hoặc 50% điểm học phần

		- Bài tập kỹ năng: bài làm đúng và đầy đủ. - Bài tập nhóm: bài làm đúng và đầy đủ. - Bài tập lớn: đúng yêu cầu về hình thức, cấu trúc, nội dung.	

b) Học phần thực hành: Người học phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành theo kế hoạch giảng dạy. Điểm của học phần thực hành được tính bằng trung bình cộng của các bài thực hành trong học kỳ, làm tròn đến một chữ số thập phân.

c) Học phần thực tập sư phạm: Người học phải tham dự đầy đủ các buổi kiến tập và thực tập sư phạm theo kế hoạch. Nội dung thực tập bao gồm: tìm hiểu thực tế giáo dục; kiến tập và thực tập giảng dạy; kiến tập và thực tập công tác giáo dục. Tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong Quy chế thực tập sư phạm do Trường Đại học Quy Nhơn ban hành.

d) Học phần khóa luận tốt nghiệp: Thực hiện theo Điều 15 của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn. Theo đó, việc đánh giá khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập. Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí: hình thức báo cáo, chất lượng nội dung báo cáo và chất lượng phần bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định theo các tiêu chí cụ thể trong bảng tiêu chí đánh giá (rubrics). Điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm thành phần của các thành viên hội đồng và người hướng dẫn. Điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp tính theo thang điểm 10 làm tròn lấy một chữ số thập phân.

**** Phương pháp đánh giá***

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	**Chuẩn đầu ra (PLOs)**								
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**

I. Đánh giá tiến trình									
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x		x	x		x	x
4. Đánh giá tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đánh giá vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Đánh giá trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Đánh giá thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết									
8. Kiểm tra tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12. Đánh giá bài tập kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13. Đánh giá bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14. Đánh giá bài tập lớn		x				x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**	**27**	**0**
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	16	0
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh	12	0
1.3.	Ngoại ngữ	7	0
1.4.	KHXH/Toán, KHTN- Môi trường, KH quản lý	4	0

2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**103**	**8**
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	28	0
2.2.	Kiến thức ngành	35	6
2.3.	Kiến thức bổ trợ	34	2
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
	Tổng:	**130**	**8**
		138 (*Chưa bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)*	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 38 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức cơ bản nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh để rèn luyện phẩm chất chính trị cho người giáo viên tương lai. Trong khối kiến thức này, SV còn được trang bị tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, làm cơ sở để SV mở rộng vốn kiến thức, văn hóa, giáo tiếp trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống. Bên cạnh đó, SV còn được trang bị các kiến thức về giao tiếp sư phạm, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với yêu cầu đổi mới, nắm bắt được các cơ hội việc làm. Đồng thời, trong khối kiến thức này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 54 học phần:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (12 học phần) giúp người học có kiến thức cơ sở ngành Giáo dục chính trị về: Tin học cơ sở; Tâm lý học; Giáo dục học; Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình; Lô gic học; Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ; Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành; Xã hội học; Đạo đức học và giáo dục

đạo đức; Quản lý kinh tế; Pháp luật quốc tế; Kỹ năng soạn thảo văn bản. Đây là khối kiến thức nền tảng đặt cơ sở để sinh viên tiếp nhận kiến thức ngành; vận dụng để xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục; tổ chức hoạt động giảng dạy và hoạt động giáo dục sau khi tốt nghiệp.

+ Khối kiến thức ngành (23 học phần, trong đó có 03/09 học phần tự chọn) giúp cho người học có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, chính trị, pháp luật... liên quan đến hoạt động chuyên môn; vận dụng được những kiến thức này để tiến hành các hoạt động xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục, tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; vận dụng vào nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn; khai thác, phát triển được học liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu; có kỹ năng tốt về thuyết trình; có tư duy phản biện, khả năng hợp tác và khả năng làm việc độc lập.

+ Khối kiến thức bổ trợ (16 học phần, trong đó có 01/02 học phần tự chọn) giúp cho người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị; dạy học theo hướng phát triển năng lực, tích hợp và phân hóa, các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra và đánh giá trong dạy học Giáo dục chính trị để người học có đủ năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Người học cũng được trải nghiệm thực tế bên ngoài lớp học thông qua hoạt động thực tế chuyên môn, trải nghiệm dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông, trải nghiệm dạy học Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở thông qua hoạt động thực tập sư phạm. Khối kiến thức này còn giúp người học có kỹ giảng dạy, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng xử lý tốt các tình huống sư phạm; có kỹ năng tốt trong việc truyền đạt, chuyển tải kiến thức đến người khác; thực hiện nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và thực hành nghề nghiệp; sử dụng các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đổi mới giáo dục và tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả, sáng tạo; có tư duy phản biện và khả năng hợp tác để giải quyết vấn đề; xác định và thực hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện.

+ Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế tốt nghiệp (04 học phần, trong đó có Khoá luận tốt nghiệp và 3 học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp) giúp cho người học hoàn thành các nội dung học tập cuối khóa bằng viết khóa luận tốt nghiệp hoặc các chuyên đề thay thế liên quan đến ngành học.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**	**27**	**19,6%**									
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	16	11.6%	M				L	M		L	M
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12		L							L	L
1.3.	Ngoại ngữ	7	5,1%	L				L		L	L	
1.4.	KHXH/Toán, KHTN- Môi trường, KH quản lý	4	2,9%	M			L	M			M	M
2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**111**	**80,4**									
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	28	20,3%	M		L	L	M	M		M	M
2.2.	Kiến thức ngành	41	29,7%		M	H			M		H	M
2.3.	Kiến thức bổ trợ	36	26,1%	H	H	H	H	H	H	H	H	H
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4,3%		H	H			H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				**27**									
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				***16***									
01	1130293	Triết học Mác - Lênin	1	4	54		12			129		LLCT-Luật & QLNN	
02	1130294	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	3	40		10			95	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
03	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			62		LLCT-Luật & QLNN	
04	1130295	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			62	1130294	LLCT-Luật & QLNN	
05	1130296	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	3	40		10			95	1130295	LLCT-Luật & QLNN	
06	1130297	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			62	1130296	LLCT-Luật &QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-An ninh				**12**									
Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 01 trong 07 nhóm sau				**3**									
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC	
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC	

24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC	
28	1120239	Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
29	1120240	Giáo dục thể chất 2 (Pickleball 2)	2	1	4			26		21	1120239	GDTC	
30	1120241	Giáo dục thể chất 3 (Pickleball 3)	3	1	4			26		21	1120240	GDTC	
Giáo dục quốc phòng - An ninh				**9**									
31	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	2	3	37		8			82		TT GDQP&AN	
32	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	2	2	22		8			52		TT GDQP&AN	
33	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	2	2	14			16		44		TT GDQP&AN	
34	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	2	2	4			56		36		TT GDQP&AN	
I.3. Ngoại ngữ				*7*									
35	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				100		Ngoại ngữ	
36	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				135	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý				*4*									
37	2010156	Giao tiếp sư phạm	4	2	20			20		55	2030410	Sư phạm	
38	2010171	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	5	2	20			20		55	2030410	Sư phạm	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				**111**									
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				*28*									
39	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	1	3	30			30		85		CNTT	
40	1100086	Tâm lý học	2	3	30	10	10			95	1130293	KHXH&NV	
41	2030410	Giáo dục học	3	4	36	20		8		131	1100086	KHXH&NV	
42	1130450	Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình	3	2	20	7	6			62	1130049	LLCT-Luật & QLNN	
43	1130451	Lô gic học	2	2	27		6			62	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
44	1130221	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	1	2	30					65		LLCT-Luật & QLNN	
45	2010155	Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành	1	2	25	5				65		Sư phạm	
46	1100038	Xã hội học	2	2	20	5	10			60	1130293	KHXH&NV	
47	1130220	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	1	2	30					65		LLCT-Luật & QLNN	
48	1130070	Quản lý kinh tế	3	2	30					65	1130294	LLCT-Luật & QLNN	
49	1130162	Pháp luật quốc tế	3	2	25	5				65	1130049	LLCT-Luật & QLNN	
50	1130449	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	2	24			12		59	2010155	LLCT-Luật & QLNN	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)				*41*									

II.2.1. Kiến thức ngành				***41***									
II.2.1a. Phần bắt buộc				*35*									
51	1130452	Lịch sử triết học	3	2	20		20			55	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
52	1130453	Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	6	3	42		6			97	1130297	LLCT-Luật & QLNN	
53	1130454	Chính trị học	4	3	42		6			97	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
54	1130027	Lịch sử các học thuyết kinh tế	4	2	30					65	1130294	LLCT-Luật & QLNN	
55	1130032	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	4	2	30					65	1130295	LLCT-Luật & QLNN	
56	1130328	Giáo dục giới và bình đẳng giới	5	3	42		6			97	1130325	LLCT-Luật & QLNN	
57	1130455	Kinh tế học	7	3	33	12				100	1130070	LLCT-Luật & QLNN	
58	1130456	Kinh tế chính trị học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay	7	3	30	15				100	1130294	LLCT-Luật & QLNN	
59	1130325	Giáo dục thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật	3	2	20		20			55	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
60	1130457	Kinh tế số	6	3	42		6			97	1130070	LLCT-Luật & QLNN	
61	1130329	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	6	2	27		6			62	1130325	LLCT-Luật & QLNN	
62	1130331	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam	7	2	30					65	1130296	LLCT-Luật & QLNN	
63	1130327	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	5	3	42		6			97	1130049	LLCT-Luật &QLNN	
64	1130458	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	5	2	27		6			62	1130454	LLCT-Luật & QLNN	
II.2.1b. Phần tự chọn				*6*									
Chọn 01 trong 03 học phần sau				*2*									
65	1130326	Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	4	2	30					65	1130295	LLCT-Luật & QLNN	
66	1130459	Nhân học và triết học về con người	4	2	27		6			62	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
67	1130152	Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý	4	2	30					65	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
Chọn 01 trong 03 học phần sau				*2*									
68	1130153	Thể chế chính trị thế giới đương đại	5	2	30					65	1130454	LLCT-Luật & QLNN	
69	1130031	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	5	2	30					65	1130293	LLCT-Luật & QLNN	
70	1130460	Một số tác phẩm của các lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	30					65	1130296	LLCT-Luật & QLNN	
Chọn 01 trong 03 học phần sau				*2*									
71	1130322	Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường	7	2	30					65	1130049	LLCT-Luật & QLNN	
72	1130461	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	7	2	30					65	1130049	LLCT-Luật & QLNN	
73	1130067	Quan hệ quốc tế	7	2	30					65	1130329	LLCT-Luật & QLNN	

II.3. Kiến thức bổ trợ				***36***									
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp				***28***									
II.3.1a. Phần bắt buộc				*26*									
74	2010287	Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 1	4	3	30	9		12		94	2030410	Sư phạm	
75	2010288	Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 2	5	2	21	6		6		62	2010287	Sư phạm	
76	2010289	Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 1	5	3	30	9		12		94	2010287	Sư phạm	
77	2010290	Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 2	6	3	30	9		12		94	2010289	Sư phạm	
78	2010291	Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 3	6	3	30	9		12		94	2010289	Sư phạm	
79	2010292	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục chính trị	7	2	20			20		55	2010291	Sư phạm	
80	1130231	Quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo	7	2	20		20			55	1130049	LLCT-Luật & QLNN	
81	1130131	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	6	2				60		35	2010287	Sư phạm	
82	2010293	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	7	2				60		35	1130131	Sư phạm	
83	2010294	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	7	2	20			20		55	2030410	Sư phạm	
84	2010295	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục chính trị	6	2	20			20		55	1050242	Sư phạm	
II.3.1b. Phần tự chọn				*2*									
Chọn 01 trong 02 học phần sau				*2*									
85	2010296	Giáo dục kỹ năng sống	6	2	21	6		6		62	1130325	Sư phạm	
86	1150422	Khởi nghiệp	6	2	20	5	10			60	1130049	TCNH & QTKD	
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				***8***									
87	1130085	Thực tập sư phạm 1	7	1					TT			Sư phạm	
88	1130086	Thực tập sư phạm 2	8	5					TT			Sư phạm	
89	2010297	Thực tế chuyên môn	4	2					TT			Sư phạm	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				***6***									
90	2010030	Khóa luận tốt nghiệp	8	6					KL			Sư phạm	
Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp				*6*									
91	2010298	Dạy học phát triển năng lực người học	8	2	21	6		6		62	2010294	Sư phạm	
92	1130233	Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	8	2	27		6			62	1130294	LLCT-Luật & QLNN	
93	1130361	Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông	8	2	20		20			55	2010291	LLCT-Luật & QLNN	
Tổng cộng:				**138**									

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

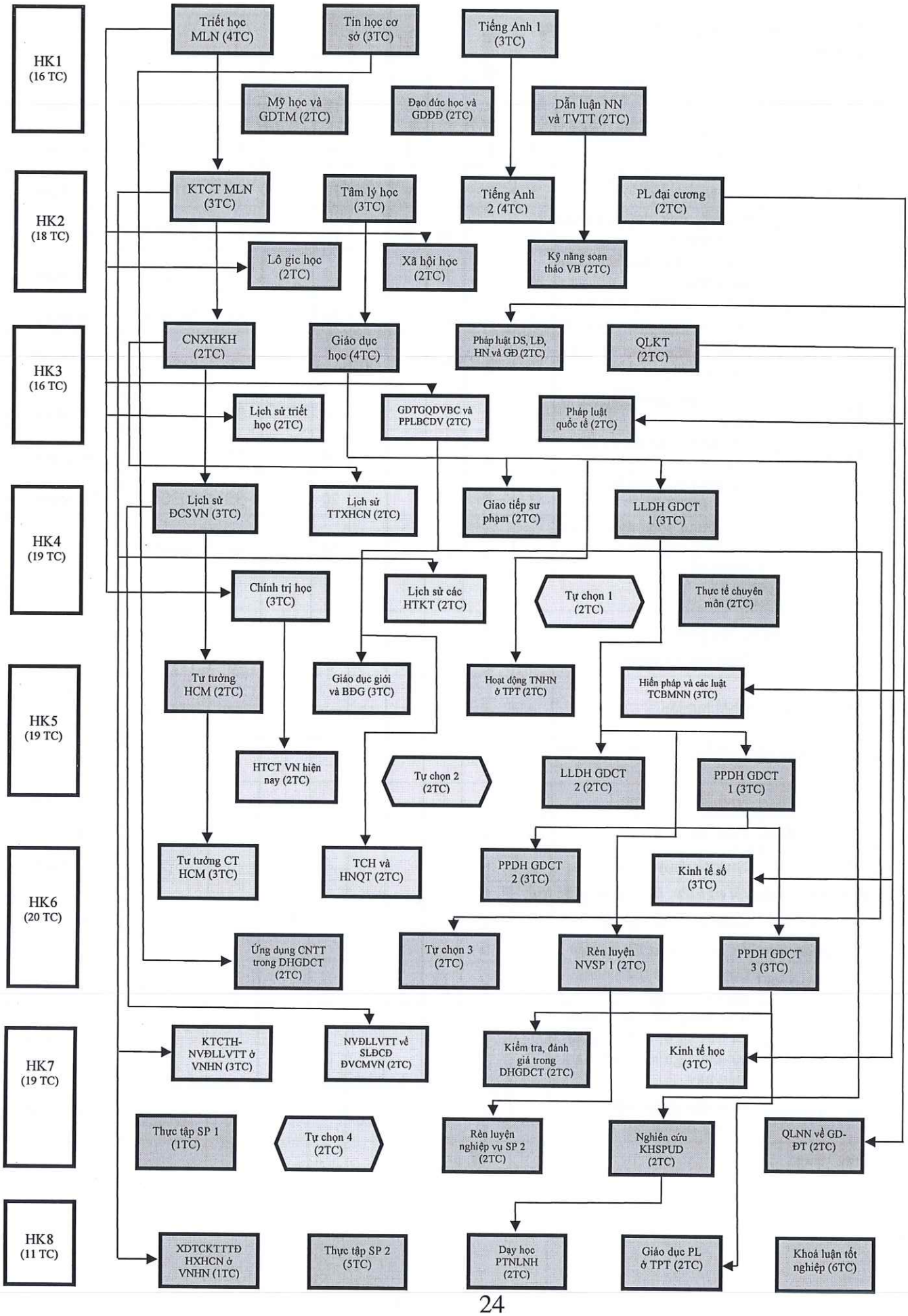

Các học phần tự chọn:

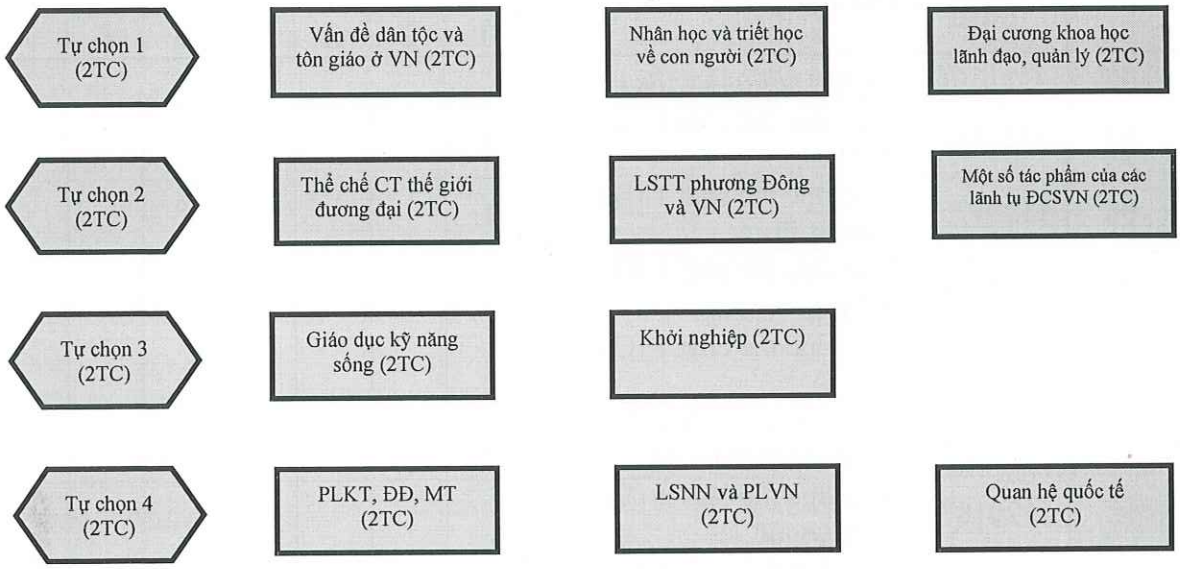

Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
01	1130293	Triết học Mác - Lênin	L					M		L	L
02	1090061	Tiếng Anh 1	L				L		L	L	
03	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	L						M	L	
04	1130221	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	M							M	M
05	2010155	Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành	M M								L
06	1130220	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	M								M M

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Chọn 01 trong 08 học phần Giáo dục thể chất sau:											
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	L							L	
08	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	L							L	
09	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	L							L	
10	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	L							L	
11	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	L							L	
12	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	L							L	
13	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	L							L	
14	1120239	Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)	L							L	
15	1130294	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	M							M	M
16	1130049	Pháp luật đại cương	L							L L	L
17	1090166	Tiếng Anh 2	M				M		M	M	
18	1100086	Tâm lý học	M				M			M	M
19	1130451	Lô gic học	M					M		M	
20	1100038	Xã hội học	L				L			M	
21	1130449	Kỹ năng soạn thảo văn bản	M				M			M	
Chọn 01 trong 08 học phần Giáo dục thể chất sau:											
22	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	M							M	
23	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	M							M	
24	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	M							M	
25	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	M							M	
26	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	M							M	
27	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	M							M	
28	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	M							M	
29	1120240	Giáo dục thể chất 2 (Pickleball 2)	M							M	
30	1120168	Giáo dục quốc phòng - An ninh 1	M								M
31	1120169	Giáo dục quốc phòng - An ninh 2	M								M

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
32	1120170	Giáo dục quốc phòng - An ninh 3	M								M
33	1120171	Giáo dục quốc phòng - An ninh 4	M								M
34	1130295	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M							L	M
35	2030410	Giáo dục học	M		L	L	M				M
36	1130450	Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình	M M							M	L
37	1130070	Quản lý kinh tế	M M							M	L
38	1130162	Pháp luật quốc tế	M					M		M	
39	1130452	Lịch sử triết học		L	L					M	
40	1130325	Giáo dục thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật		M				M		H	
Chọn 01 trong 08 học phần Giáo dục thể chất sau:											
41	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	M							M	
42	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	M							M	
43	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	M							M	
44	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	M							M	
45	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	M							M	
46	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	M							M	
47	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	M							M	
48	1120241	Giáo dục thể chất 3 (Pickleball 3)	M							M	
49	1130296	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M							M	M
50	2010156	Giao tiếp sư phạm	M M				M			M	M
51	1130454	Chính trị học		M	H					H	
52	1130027	Lịch sử các học thuyết kinh tế		M	M					M	
53	1130032	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa		M	M					M	
54	2010287	Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 1			L	L					L
55	2010297	Thực tế chuyên môn		M			M	H		H	H

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Chọn 01 trong 03 học phần sau:											
56	1130326	Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam		M				L		M	
57	1130459	Nhân học và triết học về con người		M				L		M	
58	1130152	Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý		M				L		M	
59	1130297	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M				L			L	M
60	2010171	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	M			L	M			M	M
61	1130328	Giáo dục giới và bình đẳng giới			M					M	M
62	1130327	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước		H				M			M
63	1130458	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay		H				M		H	
64	2010288	Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 2			L	L					L
65	2010289	Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 1		M		M		M	M		
Chọn 01 trong 03 học phần sau:											
66	1130153	Thể chế chính trị thế giới đương đại		M	M					M	
67	1130031	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam		M	M					M	
68	1130460	Một số tác phẩm của các lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam		M	M					M	
69	1130453	Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh		M	H					M	
70	1130457	Kinh tế số		M	M					H	
71	1130329	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế		M	M					M	
72	2010290	Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 2				M		M	M		
73	2010291	Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 3				M		M	M		
74	1130131	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1		M	M	H	H	M		M	M
75	2010295	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục chính trị			H				H		
Chọn 01 trong 02 học phần sau:											
76	2010296	Giáo dục kỹ năng sống		M			M			M	
77	1150422	Khởi nghiệp		M			M			M	
78	1130455	Kinh tế học		H				M		H	

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
79	1130456	Kinh tế chính trị học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay		M						M	M
80	1130331	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam		M	M					H	
81	2010292	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục chính trị			H	H					M
82	1130231	Quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo		M			M				M
83	2010293	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2		H	H	H	H	H		H	M
84	2010294	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng		M				H	M	M	M
85	1130085	Thực tập sư phạm 1	H	H	H		H	H	H	H	H
Chọn 01 trong 03 học phần sau:											
86	1130322	Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường		M				M			M
87	1130461	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam		M				M			M
88	1130067	Quan hệ quốc tế		M				M			M
89	1130086	Thực tập sư phạm 2	H	H	H		H	H	H	H	H
90	2010030	Khoá luận tốt nghiệp		H	H			H	H	H	H
91	2010298	Dạy học phát triển năng lực người học			H			H	H	H	
92	1130233	Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay		H				H		H	
93	1130361	Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông			H			H		H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

1. [1130293], [Triết học Mác - Lênin], [04]

Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để học tập chuyên ngành, liên ngành, cũng như định hướng cho hoạt động thực tiễn. Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về triết học và triết học Mác - Lênin như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành và phát triển; những nội dung cơ bản và vai trò của Triết học Mác - Lênin, đặt biệt là triết học Mác - Lênin trong thời đại ngày nay.... Học phần cũng đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy

vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề của thực tiện.

2. [1130294], [Kinh tế chính trị Mác - Lênin], [03]

Nội dung học phần gồm 9 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Chương 2 trình bày về kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của thị trường. Từ chương 3 đến chương 5 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 6 đến chương 9 trình bày những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; lợi ích kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hội nhập kinh tế quốc tế.

3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [02]

Học phần được triển khai giảng dạy trong học kỳ 2, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của pháp luật từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

4. [1130295], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [02]

Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 8 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình… trong TKQĐ lên CNXH.

5. [1130296], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [03]

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong Chương trình đào tạo. Học phần

góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).

6. [1130297], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [02]

Học phần thuộc kỳ 5, là học phần bắt buộc trong chương trình học, thuộc thành phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 1 trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản như: các bài tập khởi động, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, các bài tập thể lực, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 5 người.

8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 2 trang bị cho

người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 7 người.

9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 3 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật ném biên, đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật nhận bóng, ôn tập nâng cao các kỹ thuật tâng bóng, sút bóng, dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 11 người, thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 11 người, kiến thức về lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)], [01]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

11. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)], [01]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

12. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)], [01]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

14. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

15. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng

cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

17. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

18. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe

và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

20. [1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 2 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thục căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ nâng cao, thuần thục, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng thủ cước nhằm hoàn thiện thể chất, phát triển vận động và thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực vận động và thể lực để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

21. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 3 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật nâng cao, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ chính xác, nâng cao, thành thạo. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ, kỹ thuật đối kháng nâng cao, kỹ thuật quyền tay không nâng cao và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng thủ cước nhằm hoàn thiện thể chất, phát triển vận động và thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực vận động và thể lực để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)…

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

23. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)…

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

24. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)…

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ

thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

26. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

27. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

28. [1120239], [Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ

năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

29. [1120240], [Giáo dục thể chất 2 (Pickleball 2)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

30. [1120241], [Giáo dục thể chất 3 (Pickleball 3)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

31. [1120168], [Giáo dục quốc phòng - An ninh 1]; [03]

32. [1120169], [Giáo dục quốc phòng - An ninh 2]; [02]

33. [1120170], [Giáo dục quốc phòng - An ninh 3]; [02]

34. [1120171], [Giáo dục quốc phòng - An ninh 4]; [02]

35. [1090061], [Tiếng Anh 1], [03]

Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không

chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ một. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những khía cạnh văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh chuyên ngành.

36. [1090166], [Tiếng Anh 2], [04]

Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ hai. Học phần trang bị thêm cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong Tiếng Anh 1 và những khía cạnh văn hóa Anh về các chủ đề hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

37. [2010156], [Giao tiếp sư phạm], [02]

Giao tiếp sư phạm là học phần thuộc khối kiến giáo dục đại cương và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 4, năm thứ hai. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận giao tiếp, giao tiếp sư phạm; kỹ năng giao tiếp sư phạm; kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm mà người giáo viên thường gặp. Đồng thời, thông qua các hoạt động thực hành và các hoạt động học tập khác, người học được rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả, phát triển năng lực sư phạm và xây dựng môi trường giáo dục tích cực.

38. [2010171], [Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông], [02]

Học phần *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông* là học phần thuộc khối kiến giáo dục đại cương và được tổ chức giảng dạy vào học kì V, năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho SV những kiến thức lý luận chung về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hình thức, biện

pháp tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. Qua đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành tổ chức hoạt động và vận dụng các phương pháp, công cụ đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông.

39. [1050242], [Tin học cơ sở (Sư phạm)], [03]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

40. [1100086], [Tâm lý học], [03]

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của khoa học tâm lý, bao gồm: bản chất của các hiện tượng tâm lý, hoạt động nhận thức, nhân cách; đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức. Qua đó, sinh viên hình thành năng lực giải thích, phân tích và vận dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn giáo dục; phát triển năng lực giao tiếp sư phạm, giáo dục đạo đức và xây dựng môi trường học tập tích cực, phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp giáo viên.

41. [2030410], [Giáo dục học], [04]

Học phần "Giáo dục học" trang bị cho sinh viên những hiểu biết toàn diện về giáo dục, về nghề dạy học và công việc của người giáo viên trong nhà trường trung học. Thông qua việc trang bị những nội dung tổng thể về khoa học giáo dục, quá trình dạy học, quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) và công tác quản lý nhà trường, quản lý học sinh, giúp sinh viên bồi dưỡng thái độ tích cực với nghề và xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

42. [1130450], [Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình], [02]

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần cung cấp kiến thức lý thuyết nền tảng và các quy phạm pháp luật điều chỉnh các

quan hệ dân sự, quan hệ lao động và hôn nhân và gia đình. Nội dung bao gồm quyền nhân thân, quyền sở hữu và quyền tài sản khác, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong gia đình (vợ, chồng, cha mẹ, con), cũng như quyền và nghĩa vụ giữa người lao động và người sử dụng lao động. Học phần giúp người học hình thành tư duy pháp lý, khả năng vận dụng tri thức pháp luật vào công việc chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Học phần cũng góp phần xây dựng năng lực tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và trách nhiệm cá nhân của người học.

43. [1130451], [Lô gic học], [02]

Môn học là môn bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành, bố trí ở học kỳ 2 năm thứ nhất, nội dung được trình bày tập trung trong 6 chương, cung cấp một số kiến thức logic căn bản, là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt chẽ, biết phát hiện những đúng, sai, ngụy biện ... trong lập luận của người khác.

44. [1130221], [Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất của cái đẹp và khả năng cảm thụ thẩm mĩ, giúp người học nhận diện, phân tích và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật cũng như các hiện tượng văn hóa dưới góc nhìn thẩm mĩ. Thông qua việc tìm hiểu các phạm trù như cái đẹp, cái xấu, cái bi, cái hài…, người học sẽ phát triển tư duy thẩm mĩ và năng lực cảm thụ nghệ thuật, từ đó vận dụng hiệu quả vào hoạt động chuyên môn và ứng dụng trong đời sống. Học phần góp phần định hướng giáo dục thẩm mĩ, nâng cao khả năng sáng tạo và cảm nhận nghệ thuật một cách sâu sắc, nhân văn.

45. [2010155], [Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành], [02]

Học phần cung cấp cho người học tri thức nền tảng về ngôn ngữ học đại cương và các đặc điểm cấu trúc, chức năng của tiếng Việt, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp và văn bản. Thông qua đó, người học được phát triển tư duy ngôn ngữ học và năng lực phân tích, sử dụng tiếng Việt một cách chuẩn mực, logic và hiệu quả. Kiến thức từ học phần được vận dụng vào các hoạt động nghề nghiệp thiết yếu như soạn thảo văn bản, trình bày nội dung giáo dục, thuyết trình, giao tiếp trong môi trường sư phạm và truyền thông tư tưởng. Học phần đồng thời góp phần hình thành phẩm chất

đạo đức, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng của người giáo viên, hướng đến phát triển con người toàn diện trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

46. [1100038], [Xã hội học], [02]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học; một số các khái niệm cơ bản của xã hội học; khái niệm cơ cấu xã hội; các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội; Xã hội học đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học...Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được cách thức giải quyết các vấn đề xã hội.

47. [1130220], [Đạo đức học và giáo dục đạo đức], [02]

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đạo đức học, góp phần hình thành tư duy đạo đức khoa học, hiện đại, phù hợp với yêu cầu thời đại. Qua việc tiếp cận các lý thuyết và giá trị đạo đức cơ bản, người học nâng cao nhận thức, rèn luyện nhân cách và hành vi đạo đức trong cuộc sống và nghề nghiệp. Học phần đồng thời định hướng xây dựng con người mới phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, và tạo nền tảng cho việc nghiên cứu, vận dụng các vấn đề đạo đức vào thực tiễn xã hội.

48. [1130070], [Quản lý kinh tế], [02]

Môn Quản lý kinh tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong chương trình đào tạo. Học phần có nội dung gồm 9 chương, cung cấp một số khái niệm, phạm trù cơ bản của hệ thống kinh tế và quản lý kinh tế, nhận thức rõ về con đường đổi mới quản lý kinh tế ở Việt Nam, phân tích vai trò, chức năng của Nhà nước trong quản lý kinh tế; trình bày các mục tiêu, công cụ của quản lý kinh tế vĩ mô và một số chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích mối quan hệ giữa Nhà nước với quản lý doanh nghiệp và một số vấn đề về cán bộ quản lý kinh tế.

49. [1130162], [Pháp luật quốc tế], [02]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 3, thuộc khối kiến thức cơ sở

ngành và khối ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần Pháp luật quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản về: Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế.

- Công pháp quốc tế: Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và tổ chức quốc tế, bao gồm các quy tắc về chủ quyền, quyền và nghĩa vụ quốc gia, giải quyết tranh chấp, hòa bình và an ninh quốc tế.

- Tư pháp quốc tế: Điều chỉnh các quan hệ dân sự, thương mại, gia đình có yếu tố nước ngoài, tập trung vào quy tắc xung đột pháp luật và công nhận phán quyết tòa án nước ngoài.

Học phần còn đề cập đến vai trò của các tổ chức như Liên Hợp Quốc, Tòa án Công lý Quốc tế, và phân tích các trường hợp thực tế để hiểu ứng dụng pháp luật quốc tế.

50. [1130449], [Kỹ năng soạn thảo văn bản], [02]

Kỹ năng soạn thảo văn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về văn bản hành chính và những kỹ năng xây dựng, quản lý văn bản hành chính phục vụ quá trình tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, có năng lực thực hành các kỹ năng khi tham gia hoạt động thực tiễn tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan nghiên cứu, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và xuất bản.

51. [1130452], [Lịch sử triết học], [02]

Học phần được giảng dạy ở học kỳ 3 của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần giúp cho người học có được những hiểu biết cơ bản mang tính hệ thống về lịch sử triết học phương Đông và phương Tây từ thời kỳ cổ đại đến thời kỳ hiện đại. Nội dung chính yếu của môn học bao gồm: triết học phương Đông, tư tưởng triết học Việt Nam và triết học phương Tây. Về triết học phương Đông bao gồm triết học Trung Quốc thời kỳ cổ - trung đại; triết học Ấn Độ cổ - trung đại. Về tư tưởng triết học Việt Nam bao gồm tư tưởng Nho gia, Phật giáo và tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. Về triết học phương Tây bao gồm triết học thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại.

52. [1130453], [Tư tưởng chính trị Hồ chí Minh], [03]

Học phần "Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh" là học phần bắt buộc thuộc thành phần chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần trang bị kiến thức nền tảng về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ các điều kiện lịch sử, xã hội đến yếu tố cá nhân. Nội dung tập trung làm rõ quan điểm về mục tiêu cách mạng, quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị. Đồng thời, phân tích đặc trưng khoa học, cách mạng, nhân văn trong tư tưởng của Người. Qua đó, sinh viên hiểu rõ giá trị lý luận và thực tiễn, cũng như khả năng vận dụng trong công cuộc đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị hiện nay.

53. [1130454], [Chính trị học], [03]

Học phần Chính trị học là môn học bắt buộc thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Học phần bao gồm 8 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của chính trị học: quyền lực và quyền lực chính trị; hệ thống chính trị; đảng chính trị; nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội; văn hóa chính trị; con người chính trị.

54. [1130027], Lịch sử các học thuyết kinh tế, [02]

Học phần này là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành được giảng dạy học kỳ 4, năm thứ 2. Lịch sử các học thuyết kinh tế là một bộ môn khoa học xã hội, nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể khác nhau của xã hội. Học phần được cấu trúc thành 6 chương. Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, phương pháp và chức năng của bộ môn, nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản của các học thuyết kinh tế bao gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương, kinh tế tư sản cổ điển, những khuynh hướng phê phán tư tưởng tự do tư sản cổ điển, sự phát sinh và phát triển của kinh tế học Mác - Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên.

55. [1130032], [Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa], [02]

Học phần Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa là học phần bắt buộc thuộc thành

phần chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Nội dung học phần được cấu trúc thành 2 phần: Phần thứ nhất có 4 chương bao quát toàn bộ dòng chảy phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại từ khi nó ra đời cho đến khi xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học; phần thứ hai trình bày sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học với 4 nội dung lớn: Điều kiện và những tiền đề khách quan, chủ quan cho sự ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học; giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; giai đoạn V.I.Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; giai đoạn sau V.I.Lênin.

56. [1130328], Giáo dục giới và bình đẳng giới, [03]

Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị những kiến thức cơ bản như phân biệt giới và giới tính, vai trò giới và nhu cầu giới, nguyên nhân của bất bình đẳng về giới; Mối quan hệ giữa bình đẳng giới với phát triển, phân biệt bình đẳng giới hình thức và bình đẳng giới thực chất; Chính sách và pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới, thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay.

57. [1130455], [Kinh tế học], [03]

Môn Kinh tế học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 7 trong chương trình đào tạo. Học phần có nội dung gồm 9 chương, trang bị cho người học những nội dung cơ bản của kinh tế học vi mô như: lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu, cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; vai trò của Chính phủ trong điều tiết kinh tế; và những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế và mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô; đo lường sản lượng quốc gia (GDP); các phạm trù thất nghiệp, lạm phát và mối quan hệ của chúng;...

58. [1130456], [Kinh tế chính trị học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay

Học phần này cung cấp những vấn đề kinh tế chính trị học mang tính lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Nội dung môn học được cấu trúc thành 5 chương, trong đó chương 1 đề cập đến tư bản sinh lãi và lợi tức. Chương 2 đề cập đến vấn đề phân

phối thu nhập quốc dân. Chương 3 đề cập đến vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chương 4 đề cập đến quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Chương 5. đề cập đến vấn đề sở hữu và phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.

59. [1130325], [Giáo dục thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật], [02]

Là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần giúp cho người học có được những hiểu biết chuyên sâu về thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật. Học phần gồm các nội dung cụ thể như Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, phương thức và hình thức tồn tại của vật chất, Tính thống nhất vật chất của thế giới; Quan điểm duy vật biện chứng về ý thức (khái niệm), các hình thức của ý thức, nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức; Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; Tính khách quan của vật chất và vai trò của ý thức đối với đời sống xã hội. Phép biện chứng duy vật; Sự đối lập giữa phép biện chứng duy vật và phép biện chứng duy tâm; Vai trò của phép biện chứng duy vật; Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV; Nguyên lý về sự phát triển và các quy luật cơ bản của PBCDV.

60. [1130457], [Kinh tế số], [03]

Học phần Kinh tế số là học phần bắt buộc, thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 4 chương, trang bị những kiến thức về lý luận và thực tiễn về kinh tế số trong nền kinh tế thị trường nói chung và ở Việt Nam nói riêng như: Tổng quan về kinh tế số, nguồn nhân lực trong nền kinh tế số, quá trình chuyển đổi sang xã hội số và phát triển kinh tế số ở Việt Nam, khu vực doanh nghiệp trong nền kinh tế số ở Việt Nam.

61. [1130329], [Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế], [02]

Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị những kiến thức cơ bản như quan điểm, đặc trưng, bản chất và các hình thức của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về toàn cầu hóa và hội nhập

quốc tế; thành tựu và hạn chế, thời cơ và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

62. [1130331], [Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam], [02].

Môn Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam là môn học tự chọn thuộc thành phần giáo dục chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 7 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm có 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa qua các thời kỳ lịch sử. Từ đó, nhận thức rõ những thành công, hạn chế và những bài học đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh lịch sử mới.

63. [1130327], [Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước], [03]

Học phần Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước là học phần thuộc thành phần kiến thức ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 năm thứ ba. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ; quy định của Hiến pháp và các luật hiện hành về các vấn đề như chế độ chính trị, quyền con người, quyền công dân, các cơ quan trong bộ máy nhà nước... Từ đó giúp cho người học có khả năng vận dụng kiến thức về Hiến pháp và bộ máy nhà nước để xây dựng bài giảng chuyên môn.

64. [1130458], [Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay], [02]

Học phần Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay là môn học bắt buộc thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Học phần bao gồm 4 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay: Khái niệm, đặc điểm; quá trình hình thành và phát triển; tổ chức và hoạt động; xu hướng phát triển; định hướng và giải pháp đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam.

65. [1130326], [Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam], [02]

Học phần Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam là học phần tự chọn thuộc thành phần chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong chương trình đào tạo ngành

Giáo dục chính trị. Nội dung học phần khái quát những vấn đề cơ bản nhất về lý luận và thực tiễn dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Trong đó, phần lý luận về dân tộc, tôn giáo khai thác những nội dung cơ bản về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phần thực tiễn cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thành phần, đặc điểm dân tộc Việt Nam; Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc ở Việt Nam cũng như thực trạng tôn giáo ở Việt Nam, nội dung quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo.

66. [1130459], [Nhân học và triết học về con người], [02]

Là một trong những môn học tự chọn trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 4 của chương trình đào tạo. Học phần cấu trúc thành 3 chương, phản ánh 3 nội dung cơ bản. Thứ nhất, khái quát những vấn đề lý luận chung về nhân học. Thứ hai, giới thiệu các nội dung triết học về con người, đặc biệt nhấn mạnh đến quan điểm mácxit trong vấn đề triết học về con người. Thứ ba, là phần tập trung phân tích về chiến lược phát triển nguồn lực con người trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam. Môn học nằm trong khối kiến thức ngành và chuyên ngành, có liên quan mật thiết với khối kiến thức giáo dục đại cương.

67. [1130152], [Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý], [02]

Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị, được giảng dạy tại học kỳ 4 với 2 tín chỉ. Học phần gồm 04 chương, nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học lãnh đạo, quản lý: những vấn đề chung của quản lý và khoa học quản lý, các tư tưởng và lý thuyết quản lý, nguyên tắc và phương pháp quản lý, quyết định quản lý, chức năng quản lý, nhà quản lý, lãnh đạo và nhà lãnh đạo, quản lý sự thay đổi trong tổ chức.

68. [1130153], [Thể chế chính trị thế giới đương đại], [02]

Học phần "Thể chế chính trị thế giới đương đại" là học phần tự chọn thuộc thành phần chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Nội dung học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý luận chung liên quan đến thể chế chính trị, cũng như các hình thức thể chế chính trị hiện nay trên thế giới. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về thể chế chính trị của

một số quốc gia tiêu biểu như Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Pháp, và Đức, cùng với những ưu điểm và hạn chế của từng hình thức thể chế này.

69. [1130031], [Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam, [02]

Học phần học ở học kỳ 5, năm thứ 3, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp người học có những hiểu biết cơ bản, hệ thống về tư tưởng, tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, đạo đức, .v.v… của các nền văn minh ở phương Đông (Trung Hoa, Ấn Độ, Ả rập) và Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Nội dung chính yếu của môn học bao gồm lịch sử tư tưởng Trung Hoa, lịch sử tư tưởng Ấn Độ, lịch sử tư tưởng Ả Rập và lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Trên cơ sở của những kiến thức về văn hóa Việt nam, Lịch sử Việt Nam, học phần giúp người học có sự hiểu biết xuyên suốt về tư tưởng của dân tộc Việt Nam và tư tưởng dân tộc các nước phương Đông và đồng thời là cơ sở để nhận thức, đánh giá về lịch sử hành chính Việt nam và các nước trong khu vực.

70. [1130460], [Một số tác phẩm của các lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam, [02]

Môn học thuộc phần kiến thức chuyên sâu dùng cho sinh viên chuyên ngành thuộc khoa học Mác- Lênin và ngành Giáo dục chính trị, được giảng dạy vào kỳ thứ 5. Học phần gồm có 5 chương đề cập đến những tư tưởng, quan điểm của một số các lãnh tụ của Đảng về con đường cách mạng vô sản của Việt Nam, về đạo đức cách mạng của những người cộng sản, về những lời dặn dò của Người trong Di chúc, về xây dựng nền Văn hóa cách mạng, về đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trước thực tiễn và yêu cầu mới của lịch sử.

71. [1130322], [Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường], [02]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 7, đóng vai trò là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Mục tiêu của học phần là trang bị cho người học kiến thức cơ bản về Luật Kinh tế, Luật Đất đai và Luật Môi trường. Thông qua việc nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan, học phần giúp người học nhận thức rõ hơn về vai trò quan trọng của pháp luật trong đời sống. Từ đó, người học sẽ hình thành ý thức tuân thủ và kỹ năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn.

72. [1130461], [Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam], [02]

Môn Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam là môn học tự chọn thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 7 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm có 4 chương, trang bị cho người học cơ sở hình thành, quá trình phát triển, đặc điểm của Nhà nước và pháp luật thời Văn Lang- Âu Lạc; thời kỳ đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; thời kỳ phong kiến; thời kỳ thuộc Pháp; và đặc biệt thời kỳ từ năm 1945 đến nay.

73. [1130067], [Quan hệ quốc tế], [02]

Quan hệ quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành và được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm được các mối quan hệ giữa các chủ thể, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế.

74. [2010287], [Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 1], [03]

Học phần Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 1 là học phần bắt buộc thuộc thành phần giáo dục bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong Chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về: cấu trúc chương trình, đặc điểm tri thức, nguyên tắc giảng dạy cùng hệ thống phương pháp dạy học, các chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu của người giáo viên bộ môn Lý luận chính trị, Giáo dục kinh tế - pháp luật. Trên cơ sở đó học phần giúp người học có định hướng rèn luyện về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với người giáo viên.

75. [2010288], [Lý luận dạy học Giáo dục chính trị 2], [02]

Môn Lý luận dạy học Giáo dục Chính trị 2 là môn học bắt buộc thuộc thành phần kiến thức bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong chương trình đào tạo. Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức về: các hình thức tổ chức dạy học môn; hệ thống phương tiện dạy học và kỹ thuật dạy học; cách thiết kế bài dạy môn Lý luận chính trị, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Trên cơ sở đó học phần giúp người học có định hướng rèn luyện về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với người giáo viên.

76. [2010289], [Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 1], [03]

Môn Phương pháp dạy học Giáo dục Chính trị 1 là môn học bắt buộc thuộc thành

phần kiến thức bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học môn Lý luận Chính trị - Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 10, Giáo dục công dân; giúp người học rèn luyện tác phong đứng lớp, trình bày bảng, khai thác và sử dụng phương tiện dạy học, xử lý tình huống dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng yêu cầu thực tập sư phạm, dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học.

77. [2010290], [Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 2], [03]

Học phần Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 2 là học phần bắt buộc thuộc thành phần giáo dục bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong Chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học môn Lý luận Chính trị - Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11; giúp người học rèn luyện tác phong đứng lớp, trình bày bảng, khai thác và sử dụng phương tiện dạy học, xử lý tình huống dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng yêu cầu thực tập sư phạm, dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học.

78. [2010291], [Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 3], [03]

Học phần Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị 3 là học phần bắt buộc thuộc thành phần giáo dục bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong Chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học môn Lý luận Chính trị - Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12; giúp người học rèn luyện tác phong đứng lớp, trình bày bảng, khai thác và sử dụng phương tiện dạy học, xử lý tình huống dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng yêu cầu thực tập sư phạm, dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học.

79. [2010292], [Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục chính trị], [02]

Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục chính trị là học phần bắt buộc thuộc thành phần giáo dục bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 7 trong Chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục chính trị, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trung học phổ thông, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về đổi mới kiểm tra và đánh giá trong dạy học; Các hình thức kiểm tra, đánh giá: quan sát, vấn đáp, kiểm tra tự

luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập, học sinh tự đánh giá,..; Thông qua học phần, người học được rèn luyện năng lực xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá: đề kiểm tra và đáp án, phiếu đánh giá,... phù hợp với điều kiện thực tiễn.

80. [1130231], [Quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo], [02]

Học phần Quản lý nhà nước về Giáo dục - Đào tạo là môn học bắt buộc thuộc thành phần học tập bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 7 trong Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị hệ đại học chính quy. Học phần gồm 5 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, quản lý giáo dục phổ thông, quản lý giáo dục đại học.

81. [1130131], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [02]

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần bắt buộc thuộc thành phần kiến thức bổ trợ, được thực hiện ở học kỳ 6 trong chương trình đào tạo. Dựa trên nền tảng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ đã được tích lũy, học phần này tập trung trang bị cho người học hệ thống tri thức và kỹ năng thiết yếu nhằm từng bước làm quen với các hoạt động nghề nghiệp đặc thù của giáo viên Giáo dục Chính trị. Cụ thể, sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng như: thuyết trình, viết và trình bày bảng, sử dụng phương tiện trực quan, ... Qua đó, học phần góp phần hình thành sự tự tin, nâng cao năng lực sư phạm và tạo tiền đề để người học đạt được hiệu quả cao trong quá trình giảng dạy sau khi tốt nghiệp.

82. [2010293], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [02]

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là môn học bắt buộc thuộc thành phần kiến thức bổ trợ, được thực hiện ở học kỳ 7 trong chương trình đào tạo. Dựa trên nền tảng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ đã được tích lũy, học phần này tập trung vào việc rèn luyện những kỹ năng thực hành thông qua các giờ tập giảng. Cụ thể, sinh viên sẽ được rèn luyện những kỹ năng thực hành như: bài nghiên cứu kiến thức mới, bài ôn tập, sơ kết, tổng kết, bài học tại nhà bảo tàng, phòng truyền thống, bài giảng điện tử thuộc chương trình Lý luận chính trị, sách giáo khoa Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10, lớp 11, lớp 12 và các hoạt động ngoại khóa GDCT ... Qua đó, học phần góp phần hình thành các kỹ năng sư phạm và tiếp tục vận dụng sáng tạo, tạo tiền đề để người học đạt được hiệu quả cao trong quá trình hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

83. [2010294], [Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng], [02]

Học phần Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là học phần bắt buộc thuộc thành phần giáo dục bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Học phần giúp người học hiểu được vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; so sánh được hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng với hoạt động viết sáng kiến kinh nghiệm, hoạt động nghiên cứu bài học của giáo viên; phân tích được quy trình và các phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng phù hợp với từng cấp học.

84. [2010295], [Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục chính trị], [02]

Môn Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục Chính trị là môn học bắt buộc thuộc thành phần kiến thức bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong chương trình đào tạo. Học phần tập trung vào các công cụ hỗ trợ soạn thảo, trình chiếu, xây dựng sơ đồ/biểu đồ, tạo bài tập/bài kiểm tra, tạo trò chơi, quay video bài giảng, tổ chức thảo luận trực tuyến, quản lý hệ thống học tập (LMS) và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế kế hoạch bài học. Thông qua các buổi thực hành và dự án nhóm, người học sẽ được rèn luyện khả năng vận dụng công nghệ thông tin vào thiết kế, tổ chức và điều khiển các hoạt động dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu của xu hướng giáo dục hiện đại.

85. [2010296], [Giáo dục kỹ năng sống], [02]

Học phần Giáo dục kỹ năng sống là môn học bắt buộc thuộc thành phần kiến thức bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống, đồng thời tổ chức thực hành một số chủ đề cơ bản. Qua đó, người học có thể vận dụng kiến thức vào hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường và thực tiễn giáo dục.

86 [1150422], [Khởi nghiệp], [02]

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và dự kiến bố trí vào học kỳ 6. Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp giúp trang bị cho người học kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu về khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhận

diện cơ hội khởi nghiệp, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh, hoạch định con đường khởi nghiệp thông qua lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường. Ngoài ra ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi người học.

87. [1130085], [Thực tập sư phạm 1], [01]

Học phần Thực tập sư phạm 1 là học phần bắt buộc thuộc thành phần kiến thức thực tập, được thực hiện ở học kỳ 7 trong chương trình đào tạo. Dựa trên nền tảng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ đã được tích lũy, học phần này tập trung hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị các kĩ năng dạy học, các năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế từng bước làm quen với các hoạt động nghề nghiệp đặc thù của giáo viên Giáo dục Chính trị. Qua đó, học phần góp phần hình thành sự tự tin, nâng cao năng lực sư phạm và tạo tiền đề để người học đạt được hiệu quả cao trong quá trình giảng dạy sau khi tốt nghiệp.

88. [1130086], [Thực tập sư phạm 2], [05]

Học phần Thực tập sư phạm 2 là học phần bắt buộc thuộc thành phần kiến thức thực tập, được thực hiện ở học kỳ 8 trong chương trình đào tạo. Sinh viên tham gia thực tập trong 8 tuần tại trường trung học phổ thông, dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và giáo viên chủ nhiệm lớp. Trong thời gian này, sinh viên tìm hiểu về môi trường giáo dục phổ thông, dự giờ, giảng dạy môn học, thực hành công tác chủ nhiệm và tham gia các hoạt động chuyên môn khác của nhà trường. Qua đó, học phần nhằm phát triển năng lực sư phạm, hình thành phong thái nghề nghiệp và tạo nền tảng để người học thích ứng với yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

89. [2010297], [Thực tế chuyên môn], [02]

Học phần Thực tế chuyên môn là môn học bắt buộc thuộc thành phần kiến thức thực tế, được thực hiện ở học kỳ 4 trong chương trình đào tạo. Học phần giúp người học được học tập, nghiên cứu trên thực tế tại các cơ sở, các khu di tích về lịch sử, cách

mạng, văn hóa, tôn giáo, các khu kinh tế... của đất nước. Qua đó, người học không chỉ xác định được những kiến thức cần thiết để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy bộ môn, thực hiện được khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và hợp tác, mà còn vận dụng được kiến thức giao tiếp vào thực tiễn và xác định được những vấn đề đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên, ý thức phục vụ cộng đồng thông, góp phần phát triển các mối quan hệ giữa nhà trường và xã hội.

90. [2010030], [Khoá luận tốt nghiệp], [6]

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc thành phần đồ án tốt nghiệp, được thực hiện ở học kỳ 8 trong Chương trình đào tạo. Học phần tạo điều kiện cho người học nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực Giáo dục chính trị, qua đó vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong suốt quá trình học để giải quyết một vấn đề cụ thể trong chuyên ngành. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu, phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu khoa học. Người học đủ điều kiện thực hiện khóa luận dựa trên kết quả học tập theo quy định của nhà trường. Trong quá trình thực hiện, người học phải tuân thủ đúng quy trình và yêu cầu về hình thức, nội dung của khóa luận. Kết quả học phần được đánh giá thông qua buổi bảo vệ trước Hội đồng khoa học chuyên môn.

91. [2010298], [Dạy học phát triển năng lực người học], [02]

Học phần Dạy học phát triển năng lực người học là học phần bắt buộc thuộc thành phần kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp, được thực hiện ở học kỳ 8 trong chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp cho người học: cơ sở lý luận về dạy học phát triển năng lực; phương pháp và kỹ thuật tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực; các hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực người học. Qua đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm để thiết kế, tổ chức và thực hiện kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

92. [1130233], [Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay], [02]

Học phần này cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nội dung môn học được cấu trúc thành 3 chương, trong đó chương 1 đề cập đến sự hình thành và phát triển của kinh tế thị trường. Chương 2 đề cập đến vấn đề thị trường và cơ chế thị trường. Chương 3 đề cập đến vấn đề thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

93. [1130361], [Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông], [02]

Học phần Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, được giảng dạy ở học kỳ 8, năm thứ tư. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động giáo dục pháp luật đối với học sinh ở bậc phổ thông. Từ đó giúp cho người học hình thành và thực hành kỹ năng thiết kế bài giảng, xác định những nội dung cần thiết và lựa chọn phương pháp phù hợp để truyền tải kiến thức pháp luật tới học sinh phổ thông. Đồng thời, học phần còn giúp người học hình thành ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA	TP. ĐÀO TẠO	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Lê Tuấn	TS. Lê Xuân Vinh	TS. Đinh Anh Tuấn